UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86 /GPMT-SNNMT

An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-SNNMT ngày 18/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang";

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-SNNMT ngày 24/7/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang về việc phân công Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký thay Giám đốc Sở thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Trung tâm y tế Châu Thành - Kiên Giang tại Văn bản số 61/CV-TCHC ngày 21/10/2025 về việc cấp giấy phép môi trường của cơ sở

"Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang"; Văn bản số 188/TTYT-TCHC ngày 28/8/2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang tại Tờ trình số 190/TTr-CCBVMT ngày 11/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang, địa chỉ tại Số 769, Quốc lộ 61, khu phố Minh An, xã Châu Thành, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang" tại Số 769, Quốc lộ 61, khu phố Minh An, xã Châu Thành, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 769, Quốc lộ 61, khu phố Minh An, xã Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3. Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang trực thuộc Sở Y tế; Quyết định số 257/QĐ-SYT ngày 19/02/2025 của Sở Y tế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đối với Trung tâm Y tế.

1.4. Mã số thuế: 1702147686.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh; không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

a) Diện tích các công trình: 9.445,5m^2.

b) Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

c) Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Công suất hoạt động: hoạt động khám, chữa bệnh với số giường bệnh thực kê là 160 giường bệnh.

Quy mô các hạng mục công trình như sau:

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sử dụng (m^2)	Số tầng	Cấp công trình
1	Khu 1: Khu khám đa khoa, cấp cứu tổng hợp, khoa ngoại, phòng mổ, khối kỹ thuật	1.215	3.267,5	3	II

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sử dụng (m^2)	Số tầng	Cấp công trình
	nghiệp vụ, hành chính quản trị, khối nghiệp vụ kỹ thuật				
2	Khu 2: Khu điều trị: khoa nhi, truyền nhiễm, khoa ngoại, phụ sản, vật lý trị liệu, phục hồi chức năng, khoa mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng	1.672,48	4.437,88	3	II
3	Khu 3: Khoa dinh dưỡng, khoa chống nhiễm khuẩn, y học cổ truyền, khu điều trị nội	548,48	1.096,96	2	II
4	Nhà vĩnh biệt, nhà đặt máy phát điện dự phòng, lò đốt rác	180	180	1	III
5	Nhà để xe 4 bánh	92	92	1	IV
6	Nhà để xe cán bộ công nhân viên	180	180		IV
7	Sân đường giao thông				
8	Khu xử lý nước thải	80	40		II
9	Nhà bảo vệ	12	12		III
10	Cây xanh sân vườn	2.822,54	-	-	-

- Quy trình hoạt động: Quy trình khám chữa bệnh: Bệnh nhân → Đăng ký khám bệnh → Phòng khám → Thực hiện theo chỉ định bác sĩ → Mua thuốc, ra về/nhập viện hoặc Điều trị → Xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Châu Thành, tỉnh An Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang;
- UBND xã Châu Thành;
- Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang;
- Cổng thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, ntkhuong.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Võ Văn Lên

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh với lưu lượng khoảng 9,73 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải khám chữa bệnh (nước thải từ các khoa điều trị, khoa phẫu thuật, các labo xét nghiệm, khử trùng thiết bị, vệ sinh và nước thải từ nhà giặt trung tâm) với lưu lượng khoảng 7,48 m^3/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Minh Lương (tiếp nhận nước thải từ cống thoát nước công cộng trên đường Thoại Ngọc Hầu).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí: cống thoát nước công cộng trên đường Thoại Ngọc Hầu và thoát ra kênh Minh Lương (xã Châu Thành, tỉnh An Giang).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1095337; Y = 572405 (*theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0*).

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m^3/ngày đêm (tương đương 6,25 m^3/giờ).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9		

2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20^oC)	mg/L	≤ 60	Không thuộc đối tượng*	Không thuộc đối tượng
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 80		
5	Tổng Nitơ (T - N)	mg/L	≤ 40		
6	Tổng Phốt pho (T - P)	mg/L	≤ 14		
7	Amoni (N-NH_4^+ tính theo N)	mg/L	≤ 10		
8	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 05		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 30		
10	Clo dư	mg/L	≤ 02		
11	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	≤ 5.000		

(*): Khuyến khích Chủ Cơ sở thực hiện quan trắc nước thải định kỳ để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của mình.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải khám chữa bệnh (nước thải từ các khoa điều trị, khoa phẫu thuật, các labo xét nghiệm, khử trùng thiết bị, vệ sinh và nước thải từ nhà giặt trung tâm) → Ống DN76 → Hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại: 05 bể (thể tích $40m^3$/bể đặt dưới nhà vệ sinh, với kích thước dài (W) x rộng (L) x cao (H) = 4m x 4m x 2,5m).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải y tế → Hố gom → Bể Rast (yếm khí) → Bể hiếu khí (MBR) → Bể Anoxic 1 → Bể Anoxic 2 → Bể khử trùng → Đạt QCVN 40:2025/BTNMT → Cống thoát nước công cộng → kênh Minh Lương.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO (dạng nước, 10% V) khử trùng khoảng 50 lít/tháng; CaClO (dạng bột, 80% W) khử trùng khoảng 4 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tạm dừng công trình xử lý chất thải để khắc phục sự cố.

- Thực hiện các thao tác xử lý tạm thời, cần thiết để giảm ô nhiễm.

- Khi gặp sự cố dài hạn, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình vận hành của công trình và ảnh hưởng đến kết quả chất lượng nước thải đầu ra phải dừng hoạt động của công đoạn phát sinh nước thải và khắc phục sự cố cho đến khi hoàn thành thì tiếp tục vận hành công trình.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường. Chủ cơ sở có trách nhiệm lập và thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m^3/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải.

- Tại vị trí xả nước thải được cấp phép, tọa độ: *X = 1095337; Y = 572405 (theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0).*

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) trong giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Trường hợp khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường nơi tiếp nhận, chủ cơ sở phải thực hiện việc xả thải theo quy định mới ban hành.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3.7. Tuân thủ theo quy định tại khoản 24, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu ra; khuyến khích thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải như: lắp đặt công tơ điện độc lập; nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng) viết bằng tiếng Việt lưu giữ tối thiểu 02 năm.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại khu vực đặt nhà điều khiển vận hành hệ thống xử lý nước thải có công suất 150 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Ngày (06h00 đến trước 18h00 (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
50	45	40	-	Khu vực A

2.2 Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ		
60	55	-	Khu vực A

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Định kỳ kiểm tra các máy móc, thiết bị nếu chưa có hoặc có dấu hiệu hỏng hóc; có chế độ kiểm tra bảo dưỡng định kỳ như: bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi sử dụng, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Sử dụng đệm cao su hoặc vật liệu giảm chấn dưới chân máy nhằm hạn chế rung lắc và ma sát trong quá trình vận hành.

- Các loại máy bơm, máy thổi khí vận hành hệ thống xử lý nước thải được đặt ở trong nhà điều hành, phòng kín, thường xuyên được công nhân phụ trách kiểm tra, có chế độ bảo trì khi cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại	Mã	Trạng thái
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	Rắn
2	Dược phẩm quá hạn, kém phẩm chất không còn khả năng sử dụng	13 01 02	
3	Hộp mực in thải	08 02 04	

- Chủng loại chất thải nguy hại phát sinh không thường xuyên:

TT	Loại	Mã	Trạng thái
1	Các chất quang hóa học (hydroquinone, kali hydroxide, bạc, glutaraldehyde)	13 01 02	Rắn
2	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	
3	Hộp mực in thải	08 02 04	
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	
6	Giẻ lau dầu nhớt	18 02 01	
7	Thùng đựng dầu, nhớt thải	19 07 01	
8	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên công trình	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm	1.685
2	Dược phẩm quá hạn, kém phẩm chất không còn khả năng sử dụng	100
3	Hộp mực in thải	30

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Bùn từ bể tự hoại: khối lượng phát sinh khoảng 0,04 m^3/năm.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: khối lượng phát sinh khoảng 2 m^3/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 190 kg/ngày.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Không có.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trong kho chứa.

- Các thiết bị lưu chứa CTNH đảm bảo các yêu cầu tại khoản 5, Điều 35 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 5 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Khu vực lưu chứa CTNH đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 6, Điều 35 của Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 5 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Diện tích kho: được bố trí trong nhà phân loại rác 56 m^2, trong đó kho lưu giữ chất thải lây nhiễm có diện tích khoảng 28 m^2 và kho chất thải nguy hại không lây nhiễm có diện tích khoảng 28 m^2.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn từ bể tự hoại: Thực hiện ổn định bùn bằng men vi sinh định kỳ 1 lần/năm nhằm giảm thể tích bùn và hạn chế mùi.

- Bùn hố ga: Vệ sinh, nạo vét định kỳ 01 lần/tháng nhằm đảm bảo thông thoát nước và tránh tích tụ bùn đất gây tắc nghẽn. Thường xuyên thực hiện vệ sinh mặt sân, che chắn bảo vệ khu vực lưu chứa chất thải rắn, đảm bảo hạn chế tối đa hiện tượng nước mưa chảy tràn cuốn trôi chất bẩn vào hố ga gây ô nhiễm.

- Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ thuê đơn vị bảo trì hệ thống thực hiện vệ sinh, nạo vét bùn 1 lần/năm. Trong quá trình vận hành, cán bộ trực trạm thường xuyên vệ sinh mặt bằng, sân nền, bố trí khu vực kho lưu chứa chất thải, thùng chứa chất thải đúng quy định, đảm bảo vệ sinh, chống thấm, có mái che, tránh tình trạng nước mưa chảy tràn cuốn trôi bùn đất và chất ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của địa phương.

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa bằng nhựa HDPE có nắp đậy (158 thùng loại 30 lít, 43 thùng loại 60 lít, và 20 thùng loại 240 lít) bố trí tại khu vực khuôn viên, sân đường, khu vực các phòng khám và buồng bệnh.

- Khu vực lưu chứa: chất thải rắn sinh hoạt chứa trong các thùng chứa, đưa về khu tập kết chung; Vị trí tập kết CTR sinh hoạt được bố trí gần lối đi để thuận

tiện cho đơn vị thu gom, cách xa khu vực khám chữa bệnh và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

+ Chất thải hữu cơ dễ phân hủy: thu gom, lưu chứa trong thùng chứa; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn phát sinh cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn khả năng tái sử dụng, tái chế: thu gom, lưu chứa trong bao và bàn giao cho các đơn vị thu mua trong địa bàn.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Châu Thành" (nay là Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang); không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định của địa phương. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.